

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B15KDN
TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
MÃ HỌC PHẦN : ACC - 421

ĐỢT HỌC 8
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 18/09/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	132327822	Nguyễn Thị Ngân	B15KDN	9		6.8		8				7	7.4	Bá ý pháp Bấu			
2	152317483	Đặng Thị Mỹ	B15KDN	10		6.8		9				9.3	9.0	Chèn			
3	152327002	Nguyễn Thị Thục	B15KDN	8		5		7				9.5	8.3	Tâm pháp Ba			
4	152327004	Trương Thị Thu	B15KDN	9		8		7				0.8	0.0	Khăng			
5	152327007	Vũ Đình	B15KDN	8		9.2		8				0.8	0.0	Khăng			
6	152327009	Nguyễn Thị Phương	B15KDN	10		6		6				6.7	6.8	Sau pháp Tâm			
7	152327012	Trần Thị Bích	B15KDN	7		7.2		7				6.5	6.7	Sau pháp Bá ý			
8	152327013	Phan Thị Ngọc	B15KDN	9		8.4		7				3	0.0	Khăng			
9	152327016	Đoàn Mai	B15KDN	8		8		5				6.5	6.4	Sau pháp Bấu			
10	152327017	Lê Thị Mỹ	B15KDN	10		6.4		5				5.8	6.1	Sau pháp Mất			
11	152327019	Uông Ngọc	B15KDN	7		6.8		7				4.8	5.8	Nằm pháp Tâm			
12	152327020	Đặng Quang	B15KDN	8		4.8		6				4	5.0	Nằm			
13	152327021	Nguyễn Thị Hương	B15KDN	10		8.4		8				9.8	9.2	Chèn pháp Hai			
14	152327023	Tôn Nữ Thùy	B15KDN	7		6.4		5				8.8	7.4	Bá ý pháp Bấu			
15	152327024	Nguyễn Thị Ngọc	B15KDN	7		6.8		7				8	7.5	Bá ý pháp Nằm			
16	152327025	Nguyễn Thị Thu	B15KDN	10		9.2		7				9.5	8.9	Tâm pháp Chèn			
17	152327026	Lê Thị Mỹ	B15KDN	9		6.8		9				9.5	9.1	Chèn pháp Mất			
18	152327027	Nguyễn Thị Bích	B15KDN	10		7.2		8				10	9.2	Chèn pháp Hai			
19	152327030	Hoàng Thị Thúy	B15KDN	9		7.2		9				9.3	9.0	Chèn			
20	152327031	Huỳnh Lê Thị Thúy	B15KDN	9		8.4		8				9.8	9.1	Chèn pháp Mất			
21	152327032	Huỳnh Phan Khánh	B15KDN	10		6.8		8				9.5	8.9	Tâm pháp Chèn			
22	152327034	Huỳnh Thị Thu	B15KDN	8		8		7				9.5	8.6	Tâm pháp Sau			
23	152327035	Lê Thị Diệu	B15KDN	10		8.8		10				9.8	9.8	Chèn pháp Tâm			
24	152327036	Nguyễn Thị Thu	B15KDN	10		8.4		8				9.3	9.0	Chèn			
25	152327037	Ninh Thị	B15KDN	10		5		6				4.3	5.4	Nằm pháp Bấu			
26	152327039	Trần Thị Thu	B15KDN	10		8		8				9.5	9.0	Chèn			
27	152327040	Vũ Thị Thanh	B15KDN	8		7.2		7				5.7	6.4	Sau pháp Bấu			
28	152327041	Nguyễn Thị Như	B15KDN	8		8		5				V	0.0	Khăng			
29	152327042	Nguyễn Thị Xuân	B15KDN	10		8.4		9				9.8	9.5	Chèn pháp Nằm			
30	152327043	Hoàng Thị	B15KDN	10		8.4		7				9	8.5	Tâm pháp Nằm			
31	152327044	Hoàng Thị Thu	B15KDN	8		6.8		7				6	6.5	Sau pháp Nằm			
32	152327045	Hoàng Thị	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
33	152327046	Trương Thị Mỹ	B15KDN	10		8.4		7				9.8	9.0	Chèn			
34	152327047	Vũ Thị	B15KDN	9		7.2		7				6.3	6.8	Sau pháp Tâm			
35	152327048	Lê Thị Kim	B15KDN	10		8.4		8				7.8	8.1	Tâm pháp Mất			
36	152327049	Mai Kim	B15KDN	9		8		7				9.3	8.6	Tâm pháp Sau			
37	152327050	Trần Thị	B15KDN	10		6		6				9	8.1	Tâm pháp Mất			
38	152327051	Đặng Thị	B15KDN	10		8.4		7				8.8	8.4	Tâm pháp Bấu			
39	152327053	Nguyễn Quang	B15KDN	8		6.8		6				6.5	6.6	Sau pháp Sau			
40	152327054	Nguyễn Thị	B15KDN	10		6.4		8				7.8	7.9	Bá ý pháp Chèn			

Ngày thi: 18/09/2011

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
41	152327055	Nguyễn Thị Lan	Hương	B15KDN	9		8.4		9				9.5	9.2	Chèn pháp	Hai	
42	152327060	Trần Duy	Khánh	B15KDN	8		6.4		6				7.8	7.2	Báy pháp	Hai	
43	152327061	Nguyễn Thị	Lan	B15KDN	10		6.8		6				4.8	5.8	Nằm pháp	Tâm	
44	152327062	Lê Thị Hồng	Lê	B15KDN	8		6		5				5.8	5.8	Nằm pháp	Tâm	
45	152327063	Nguyễn Thị Thanh	Lê	B15KDN	9		6.8		5				5.8	6.0	Sầu		
46	152327064	Phan Thị Hoàng	Lê	B15KDN	10		7.6		7				8.5	8.2	Tâm pháp	Hai	
47	152327066	Nguyễn Vũ Hạ	Liên	B15KDN	10		6.8		8				8.5	8.4	Tâm pháp	Bầu	
48	152327067	Nguyễn Thị	Liễu	B15KDN	10		9.6		8				7.3	8.0	Tâm		
49	152327068	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	B15KDN	8		7.2		8				6.8	7.3	Báy pháp	Ba	
50	152327070	Đặng Thị	Lụa	B15KDN	10		8		7				9.3	8.7	Tâm pháp	Báy	
51	152327073	Phạm Thị Ly	Ly	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
52	152327076	Đặng Thị	Nga	B15KDN	8		8.8		7				5	6.2	Sầu pháp	Hai	
53	152327077	Đặng Thị Thanh	Nga	B15KDN	9		7.2		7				9.8	8.8	Tâm pháp	Tâm	
54	152327078	Phạm Thị	Nga	B15KDN	7		7.6		7				6.8	7.0	Báy		
55	152327079	Trần Thị Kim	Nga	B15KDN	9		9.6		7				7.3	7.6	Báy pháp	Sầu	
56	152327080	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	B15KDN	10		8.8		7				9	8.6	Tâm pháp	Sầu	
57	152327081	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	B15KDN	8		7.6		6				6.3	6.5	Sầu pháp	Nằm	
58	152327082	Phạm Dương Thu	Nguyệt	B15KDN	8		8.4		7				8.3	8.0	Tâm		
59	152327083	Nguyễn Thị Cẩm	Nhan	B15KDN	9		8		7				7.8	7.7	Báy pháp	Báy	
60	152327086	Đoàn Quỳnh	Nhung	B15KDN	10		8.8		8				10	9.4	Chèn pháp	Bầu	
61	152327088	Võ Thị Tuyết	Nhung	B15KDN	9		6.8		8				9.8	9.0	Chèn		
62	152327090	Đặng Thị Hồng	Phấn	B15KDN	10		8.4		9				9.3	9.2	Chèn pháp	Hai	
63	152327092	Nguyễn Thị Nhật	Phương	B15KDN	10		8.4		6				9	8.3	Tâm pháp	Ba	
64	152327094	Nguyễn Thúy	Phượng	B15KDN	10		8		8				9	8.8	Tâm pháp	Tâm	
65	152327097	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	B15KDN	10		9.2		8				9.8	9.3	Chèn pháp	Ba	
66	152327098	Hồ Thị	Sen	B15KDN	9		7.2		7				4	5.6	Nằm pháp	Sầu	
67	152327099	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	B15KDN	10		6		10				7.8	8.4	Tâm pháp	Bầu	
68	152327100	Nguyễn Thị	Tâm	B15KDN	9		8.8		10				8.8	9.1	Chèn pháp	Mắt	
69	152327101	Phạm Trần Thị Hồng	Tâm	B15KDN	9		9.2		7				9.5	8.8	Tâm pháp	Tâm	
70	152327103	Võ Thị Minh	Tâm	B15KDN	8		8.8		6				8.8	8.0	Tâm		
71	152327105	Cao Thị Mai	Thảo	B15KDN	10		5		8				6.5	7.1	Báy pháp	Mắt	
72	152327106	Hoàng Thị	Thảo	B15KDN	8		7.6		7				7	7.2	Báy pháp	Hai	
73	152327108	Phan Thị Thu	Thảo	B15KDN	10		8.4		8				9.5	9.1	Chèn pháp	Mắt	
74	152327111	Lê Thị	Thắm	B15KDN	9		8.8		8				8	8.2	Tâm pháp	Hai	
75	152327113	Hà Thị	Thỏa	B15KDN	10		8		6				9.5	8.5	Tâm pháp	Nằm	
76	152327114	Phạm Thị	Thơ	B15KDN	10		6.4		7				9	8.3	Tâm pháp	Ba	
77	152327116	Dương Thị Bích	Thùy	B15KDN	9		7.2		2				7.5	6.2	Sầu pháp	Hai	
78	152327117	Thiều Thị	Thùy	B15KDN	10		9.2		6				6.3	6.9	Sầu pháp	Chèn	
79	152327120	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	10		7.2		8				9.3	8.8	Tâm pháp	Tâm	
80	152327121	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	9		6.8		3				5.8	5.5	Nằm pháp	Nằm	
81	152327122	Nguyễn Thị	Thúy	B15KDN	10		6.4		7				9	8.3	Tâm pháp	Ba	
82	152327123	Võ Thị	Thư	B15KDN	10		9.2		6				8.8	8.3	Tâm pháp	Ba	
83	152327126	Nguyễn Thị Lương	Tiên	B15KDN	10		8		7				9.8	8.9	Tâm pháp	Chèn	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B15KDN										ĐỢT HỌC		8	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH										TÍN CHỈ		3	
MÃ HỌC PHẦN : ACC - 421														LẦN THI		1	
Ngày thi: 18/09/2011																	
ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
84	152327127	Đinh Thị	Tím	B15KDN	10		8.8		7				8	8.0	Tăm		
85	152327128	Đinh Ngọc Thùy	Trang	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
86	152327129	Đoàn Thị	Trang	B15KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
87	152327130	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B15KDN	9		6		5				5.5	5.8	Nằm pháp Tăm		
88	152327133	Phan Thị Thảo	Trang	B15KDN	9		8		6				9	8.2	Tăm pháp Hai		
89	152327134	Bùi Thị Chu	Trình	B15KDN	9		7.2		6				7.8	7.4	Báy pháp Bấu		
90	152327136	Đỗ Thị	Túy	B15KDN	10		7.6		7				8.5	8.2	Tăm pháp Hai		
91	152327137	Lại Thị Kim	Tuyển	B15KDN	8		4.8		7				8.5	7.7	Báy pháp Báy		
92	152327139	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B15KDN	8		0		7				4.2	4.9	Bấu pháp Chên		
93	152327141	Hà Trần Phương	Uyên	B15KDN	10		9.2		7				9.3	8.8	Tăm pháp Tăm		
94	152327143	Trịnh Thị	Vinh	B15KDN	8		8		5				2.8	0.0	Khăng		
95	152327144	Đỗ Thị Hà	Xuyên	B15KDN	9		8		7				5	6.2	Sầu pháp Hai		
96	152327145	Cao Thị Huỳnh	Yến	B15KDN	9		7.6		6				6.5	6.7	Sầu pháp Báy		
97	152327147	Lê Thị	Yến	B15KDN	9		6		5				9.5	8.0	Tăm		
98	152337654	Phan Thị Mỹ	Linh	B15KDN	10		8		5				4.8	5.7	Nằm pháp Báy		
99	152337667	Lê Sao	Mai	B15KDN	10		8		7				7	7.4	Báy pháp Bấu		
1	142327171	Trịnh Cẩm	Vân	B14KTH1	10		7.2		5				9	7.9	Báy pháp Chên		
2	142327168	Đinh Thị Thủy	Vân	B14KTH1	10		8		5				3	0.0	Khăng		
3	142327126	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	B14KTH1	10		8.4		5				6.5	6.7	Sầu pháp Báy		
4	142327034	Nguyễn Thị	Hằng	B14KTH2	7		8.4		8				7.5	7.7	Báy pháp Báy		
5	142327080	Trương Thị	Minh	B14KTH2	9		7.2		6				7.3	7.1	Báy pháp Mất		
6	142327021	Dương Thị	Hà	B14KTH2	7		0		7				7.5	6.6	Sầu pháp Sầu		
7	142527271	Phan Thị Kim	Thoa	B14KTH2	10		9.2		7				8.5	8.3	Tăm pháp Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	96	91%	
2	Số sinh viên nợ	10	9%	
TỔNG CỘNG :		106	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 09 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú